

Bản án số:122/2018/HSPT
Ngày: 17/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Thông**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Công Thoại**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2017/TLPT-HS ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo **Phạm Thái L** và các bị cáo khác về tội “*Giết người*” và “*Không tố giác tội phạm*”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và kháng cáo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. **Phạm Thái L (Ba L)**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Sửa xe máy; Con ông Phạm Đình Th và bà Thái Thị T5; Có vợ Trần Thị Kim L1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 28/3/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Ngày 17/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị bắt giam ngày 24/11/2016. Có mặt.

2. **Siu Th1**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Làng B1, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Siu Th2 (chết) và bà: A Ng. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị bắt giam ngày 02/02/2017. Có mặt.

3. **Nguyễn Song T1**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Nguyễn Song T2 và bà Trần Thị Kim H. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/6/2015 bị Trưởng công an xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng. Bị bắt giam ngày 16/01/2017. Có mặt.

4. **Bùi Văn A (Cún)**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Bùi Văn B và bà Bùi Thị Ng; Có vợ Phạm Thị Kim C và 02 con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/8/2015 bị Trưởng công an huyện C, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 2.500.000đ về hành vi “cố ý gây thương tích”. Bị bắt giam ngày 16/01/2017. Có mặt.

5. **Võ Văn T3**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Võ Văn V và bà Lữ Thị Thanh Th3. Có vợ Nguyễn Thị Thủy T4. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/8/2015 bị Trưởng công an xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng. Bị bắt giam ngày 16/01/2017. Có mặt.

6. **Lê Nguyễn Thành N1**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Phụ xe. Con ông Lê Thành N2 và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/5/2015 bị Chủ tịch UBND xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Bị bắt giam ngày 16/01/2017. Có mặt.

7. **Trần Mai Đ**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn 76, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Trần Xuân V1 và bà: Mai Thị S. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt giam ngày 10/02/2017. Có mặt.

8. **Trần Thị Kim L2**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông Trần Văn Th4 (chết) và bà Nguyễn Thị X. Có chồng Phạm Thái L và 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

9. **Võ Nhật Q**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe. Con ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Tuyết V2. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 19/5/2015 bị Chủ tịch UBND xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. Bị bắt giam ngày 05/5/2017. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Bùi Văn A, Trần Mai Đ theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Ông Tổng Đức N3 – Luật sư, Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 26 đường L, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người bào chữa cho các bị cáo Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1 theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Ông Mai Văn T5 - Luật sư, Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 142 đường L2, phường I1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Phạm Công T (đã chết):

Bà **Nguyễn Thị Tr1**, sinh năm: 1954. Trú tại: Thôn 1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình người bị hại: Bà Nguyễn Thị Q1, Luật sư, Công ty Luật HP thuộc đoàn Luật sư Tp HCM. Địa chỉ: 23/2/18A, KP9, phường H, quận T, Tp HCM. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thái L và anh Phạm Công T có quan hệ họ hàng, từ cuối năm 2014, khi anh Phạm Công T chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương làm nghề cho vay tiền thì xảy ra va chạm, mâu thuẫn với Phạm Thái L trong việc làm ăn vì cả L và anh T đều là đối tượng làm nghề cho vay tiền ở xã T, thành phố P. Do tranh giành địa bàn với L nên vào tối ngày 20/7/2015, anh Phạm Công T cùng một số đối tượng đến đập phá tài sản trong nhà Phạm Thái L thì bị L và nhóm của L rượt đuổi nên anh T cùng một số người khác bỏ chạy để lại 1 xe mô tô Suzuki sport của anh T nên L ra giữ xe lại nhưng anh Phạm Công Th5 (là anh trai của anh T) không đồng ý nên giữa L và anh Th5 xô xát đánh nhau. L đã dùng cây sắt đánh anh Th5 gãy tay, vụ việc được Công an thành phố P thụ lý, giải quyết.

Đến tối ngày 07/9/2016, anh Phạm Công T đến nhà gặp Phạm Thái L nói L viết giấy bãi nại để anh T lấy xe Suzuki Sport mà Công an đang giữ nhưng L không chịu và nói muốn lấy xe ra thì anh Th5 phải viết giấy bãi nại cho L về vụ L đánh gãy tay anh Th5. Do bức tức nên anh T dùng lời nói đe dọa đến hai con gái của L làm L bức tức.

Vào tối ngày 08/9/2016, Phạm Thái L đã cùng 05 đối tượng: Võ Văn T3 (là cháu rể của L); Nguyễn Song T1 (là cháu họ của L); Siu Th1, Bùi Văn A (Cún), Lê Nguyễn Thành N1 (là bạn) uống rượu tại phòng bếp trong nhà L. Tại đây, L kể lại việc anh Phạm Công T đe dọa hai đứa con của L cho cả nhóm cùng nghe và nhờ T1, T3, A, Th1, N1 đi đánh anh T để trả thù thì tất cả đồng ý. Sau đó 5 người đến lấy năm 5 con dao dài, nhọn của L để ở dưới bàn bi da trong nhà L mỗi người cầm một con dao, T3 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius không biển số của L chở Siu Th1; Lê Nguyễn Thành N1 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius BKS: 81B1 - 302.81 của N1 chở Nguyễn Song T1 và Bùi Văn A đến ngã ba đường vào nhà Phạm Công T (ở Thôn 1, xã T, thành phố P) rồi bọn chúng giấu xe ở hàng rào gần đó rồi tất cả cầm dao đi bộ đến phục trước nhà anh Phạm Công T để chờ anh T ra sẽ đánh và chém. Nhưng do anh T không đi ra ngoài nên Võ Văn T3, Nguyễn Song T1, Siu Th1, Bùi Văn A và Lê Nguyễn Thành N1 không thực hiện được hành vi phạm tội, đến 22h cùng ngày thì tất cả quay về nhà L cất dao và báo lại cho L biết.

Chiều ngày 09/9/2016, Phạm Thái L cùng vợ là Trần Thị Kim L2 đi đến Công an thành phố P để giải quyết vụ việc xảy ra ngày 20/7/2015 nhưng anh T không có mặt, gọi điện thoại thì bấm nghe nhưng không trả lời nên L và vợ đi về nhà. Khoảng 19h00' ngày 09/9/2016, Phạm Thái L cùng Võ Văn T3, Nguyễn Song T1, Siu Th1, Bùi Văn A và Lê Nguyễn Thành N1 tổ chức uống rượu phía trước nhà L. Trong lúc uống rượu, L kể cho cả bọn nghe việc hẹn anh T đến Công an thành phố P làm việc nhưng T không có mặt, gọi điện thoại thì bấm máy nghe nhưng không trả lời, rồi L còn nhắc lại việc anh T đe dọa đến vợ và hai đứa con của L và L tiếp tục nhờ T1, T3, A, Th1, N1 đi phục đánh anh Phạm Công T để trả thù và được cả bọn đồng ý. Sau đó Nguyễn Song T1 gọi điện thoại cho Trần Mai Đ đến nhà gặp L có việc cần (Lúc này Đ và Võ Nhật Q đi chơi về) nên Đ và Q cùng đi vào nhà Phạm Thái L chơi. Đến khoảng 21 giờ 00' thì Q đi về nhà ở xã NY, huyện Đ, còn Đ ở lại nhà L. Sau khi Q đi về thì L nói chuyện với Đ và nhờ Đ tham gia đi đánh anh T dùm L thì Đ đồng ý.

Khoảng 21 giờ 10' ngày 09/9/2016, Lê Nguyễn Thành N1 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius BKS: 81B1 - 302.81 chở Bùi Văn A, Nguyễn Song T1 và Trần Mai Đ; Võ Văn T3 điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius (xe không biển số của L) chở Siu Th1 mang theo năm (05) con dao dài nhọn từ nhà L đến phục tại ngã ba đường vào nhà anh T để đánh anh T trả thù cho L. Khi đến ngã ba T3 và N1 dừng xe rồi tất cả 6 người mang khẩu trang và cầm dao đi bộ đến nhà anh T thì thấy không có xe mô tô của anh T ở nhà nên tất cả đi ra ngã ba gần nhà anh T ngồi chờ đến khoảng 22h00' ngày 09/9/2016, khi anh Phạm Công T điều khiển

xe mô tô Exciter BKS 81B1 - 916.63 đi về đến ngã ba gần nhà thì bị T1, Th1, T3, A, Đ cầm dao xông ra, (N1 không cầm dao). T1 dùng dao chém một nhát vào tay phải của anh T, còn Võ Văn T3, Bùi Văn A, Trần Mai Đ cầm dao xông ra chặn đường chặt, chém loạn xạ vào anh T và trúng vào xe mô tô của anh T, còn N1 không cầm dao đứng sau hỗ trợ đồng bọn; anh T tiếp tục điều khiển xe mô tô bỏ chạy về phía đường đất bên trái thì bị Siu Th1 đứng cách 02-3m cầm dao nhọn (loại dao tự chế dài 80,2cm, cán dao bằng gỗ dài 22,2cm có bọc khoen kim loại, lưỡi dao bằng kim loại dài 58cm, chỗ rộng nhất là 04 cm) bằng hai tay phóng con dao trúng vào góc hàm bên phải, anh T điều khiển xe bỏ chạy, mang theo con dao của Th1. Thấy anh T bỏ chạy nên T1, T3, A, Đ cầm dao, N1, Th1 (Không cầm dao) chạy bộ đuổi theo nhưng không kịp. Anh Phạm Công T chạy xe đến trước nhà ông P thuộc làng T1, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai thì gục chết.

Sau khi chém anh T xong thì T3, T1, A, Đ gom 04 con dao đi cất giấu tại rẫy của ông Phạm Đình Th (là cha của L) ở thôn 1, xã T, thành phố P rồi tất cả đi bộ về nhà L, còn N1 và T3 điều khiển 02 xe mô tô đi về nhà L trước. Sau đó kể toàn bộ sự việc chặn đánh anh T cho L và Trần Thị Kim L2 (là vợ của L) nghe. Khi biết anh T chạy thoát thì L không hài lòng. Sao đó, L bảo Trần Mai Đ đi về nhà ở thôn 76, xã H, thành phố P để ngủ còn T3, Th1, T1, A, N1 ở lại nhà L vì sợ T sẽ gọi người tới đập phá nhà, đánh trả thù nên L và đồng bọn bàn nhau chuẩn bị hung khí để chống trả. L2 gọi Ch (SN 1998, trú Làng T1, xã T, là con nuôi của L và L2) đến nhà ông Phạm Đình Th (là cha L) lấy một bì bi thủy tinh đem về để bắn ná chống trả. Đến khoảng 01 giờ 50' ngày 10/9/2016, anh Đỗ Đức Th6 (cán bộ Công an thành phố P) gọi điện thoại cho L biết là anh T đã chết và yêu cầu L tới gặp anh Th6 ở Làng T1 để lấy lời khai.

L điều khiển xe máy chở L2 đến gặp anh Th6 làm việc xong thì L và L2 về nhà nói cho Th1, A, T1, T3 và N1 biết việc anh T đã chết và nói cả bọn cứ ngủ đi, sáng mai ai về nhà nấy, làm việc bình thường, nếu Công an có hỏi thì nói không biết. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/9/2016 thì Th1, A, N1, T1, T3 thức dậy, giải tán, mỗi người đi mỗi nơi.

Sáng ngày 10/9/2016, cha đẻ của Võ Nhật Q thông báo cho Q biết việc anh Phạm Công T bị chém chết tại xã T; Đến tối ngày 10/9/2016, Trần Mai Đ điều khiển xe máy chở Võ Nhật Q đi từ xã NY đến xã T, thành phố P dọc đường đi Đ đã kể cho Q nghe việc Đ cùng đồng bọn đã giết chết anh T vào tối ngày 09/9/2016. Tuy nhiên khi được Cơ quan điều tra triệu tập tới làm việc thì Q và L2 không khai báo về nội dung mình biết về các đối tượng đã giết chết anh T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số: 331/TTPY ngày 15/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai kết luận anh Phạm Công T chết do: “Mất máu cấp/vết thương đứt động mạch phải do vật sắc nhọn”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HS-ST ngày 25/9/2017, Tòa án N1 dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ phạm tội “Giết người”; các bị cáo Võ Nhật Q, Trần Thị Kim L2 phạm tội “Không tổ giác tội phạm”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn A, Trần Mai Đ, Võ Văn T3:

Xử phạt bị cáo Phạm Thái L 20 năm tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 24 tháng tù tại bản án số 90/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Phạm Thái L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 22 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2016.

Xử phạt bị cáo Siu Th1 20 năm tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 34/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Siu Th1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/02/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Song T1 18 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T3 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Thành N1 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn A 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Mai Đ 13 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Võ Nhật Q, Trần Thị Kim L2; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Kim L2:

Xử phạt bị cáo Võ Nhật Q 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L2 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Buộc các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tr1 số tiền 147.000.000 đồng:

- Bị cáo Phạm Thái L phải bồi thường 31.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 11.000.000 đ.

- Bị cáo Siu Th1 phải bồi thường 25.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 15.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Song T1 phải bồi thường 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Bùi Văn A phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Võ Văn T3 phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Lê Nguyễn Thành N1 phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Trần Mai Đ phải bồi thường 20.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã bồi thường. Bị cáo đã bồi thường xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyền định về phần xử lý vật chứng, về thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2017, bị cáo Nguyễn Song T1 có đơn kháng cáo; ngày 05/10/2017, các bị cáo Phạm Thái L, Võ Nhật Q có đơn kháng cáo; ngày 06/10/2017, các bị cáo Siu Th1, Trần Thị Kim L2 có đơn kháng cáo; ngày 09/10/2017 bị cáo Lê Nguyễn Thành N1 có đơn kháng cáo; ngày 29/9/2017 các bị cáo Võ Văn T3, Trần Mai Đ có đơn kháng cáo đều cùng nội dung: Tòa án sơ thẩm xử mức án nghiêm khắc xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Trần Thị Kim L2 xin được hưởng án treo.

Ngày 09/10/2017 bà Nguyễn Thị Tr1 là người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” và xử tăng hình phạt đối với các bị cáo bị xử về tội “Giết người”; bị cáo Trần Thị Kim L2 phải bị xét xử về tội “Giết người” với vai trò đồng phạm; buộc các bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 100 tháng lương tối thiểu bằng 130.000.000đ, cấp dưỡng cho bà 1 lần với số tiền 126.000.000đ hoặc cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ từ khi xảy ra vụ án cho đến khi bà chết.

Ngày 02/10/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-P2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo Trần Thị Kim L2 được hưởng án treo.

Ngày 20/10/2017 Viện trưởng VKS nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần bản án đã tuyên đối với bị cáo Siu Th1 do áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự không đúng và áp dụng điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo L, T3, T1, Th1, A, N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thái L, Nguyễn Song T1, Siu Th1, Lê Nguyễn Thành N1, Võ Văn T3, Trần Mai Đ, Võ Nhật Q, Trần Thị Kim L2 và người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị Tr1 đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các bị cáo L, Th1, T1, N1, T3, Đ, Q, L2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án quá nghiêm khắc nên xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo L2 xin được hưởng án treo.

Bà Nguyễn Thị Tr1 là người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” và tăng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội “Giết người”. Đối với bị cáo Trần Thị Kim L2 phải được xét xử về tội “Giết người” với vai trò đồng phạm và tăng phần bồi thường cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-P2 ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai và rút một phần kháng nghị của Quyết định kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về hủy phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Siu Th1 do áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ giảm hình phạt cho các bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Nhật Q và không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tr1 là người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo nói trên và bị cáo Bùi Văn A cũng như về phần trách nhiệm dân sự. Chấp nhận kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần áp dụng điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo L, T3, T1, Th1, A, N1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L2 và Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-P2 ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị Kim L2 được hưởng án treo.

Lời bào chữa của các luật sư cho các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Bùi Văn A, Trần Mai Đ, Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1 đều nhất trí về phần tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp

dụng để xét xử đối với các bị cáo. Các luật sư đều cho rằng, sau khi xử sơ thẩm các bị cáo tác động gia đình nộp số tiền bồi thường tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để bồi thường cho gia đình người bị hại và nộp số tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình người bị hại cho rằng Phạm Thái L và các bị cáo khác đã bàn bạc, chuẩn bị hung khí đã 2 lần đi tìm anh Phạm Công T nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Có tổ chức” và xử tăng hình phạt đối với các bị cáo về tội “Giết người” mới thỏa đáng. Đối với bị cáo Trần Thị Kim L2 đã dùng điện thoại di động liên lạc với các bị cáo trong quá trình đi đánh anh T nên bị cáo L2 phải bị xử về tội “Giết người” với vai trò đồng phạm thì mới đúng pháp luật. Không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng như các luật sư về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và chấp nhận phần bồi thường cho gia đình người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo đều khai nhận: Anh Phạm Công T chết vào đêm ngày 09/9/2016 là do Phạm Thái L nhờ các bị cáo Siu Th1, Võ Văn T3, Nguyễn Song T1, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ đi đánh anh T trả thù cho L. Các bị cáo đồng ý dùng dao chém và phóng vào người anh T. Các bị cáo Võ Nhật Q, Trần Thị Kim L2 biết rõ các bị cáo đã giết chết anh T nhưng không báo với cơ quan chức năng để làm rõ sự việc.

Hành vi nêu trên của các bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử về các tội sau: Phạm Thái L, Siu Th1, Võ Văn T3, Nguyễn Song T1, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Võ Nhật Q, Trần Thị Kim L2 về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Võ Văn T3, Nguyễn Song T1, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ thì thấy: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, các bị cáo đã sử dụng hung khí giết người bị hại anh Phạm Công T. Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất rất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội của từng bị cáo, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt Phạm Thái L, Siu Th1 mỗi bị cáo 20 năm tù; Nguyễn Song T1 18 năm tù; Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1 mỗi bị cáo 15 năm tù, Trần Mai Đ 13 năm tù. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để bồi thường cho gia đình người bị hại và tiền án phí cụ thể: Bị cáo Phạm Thái L đã nộp 13.900.000đ; Bị cáo Siu Th1 đã

nộp 15.950.000 đồng; bị cáo Lê Nguyễn Thành N1 đã nộp 7.550.000đ; bị cáo Võ Văn T3 đã nộp 7.550.000 đồng; bị cáo Bùi Văn A đã nộp 7.550.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Song T1 đã nộp 21.200.000 đồng; bị cáo Trần Mai Đ đã nộp 200.000 đồng. Nhưng xét, mức hình phạt trên mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là không nặng, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra cũng như nhân thân của các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Nhật Q thì thấy: Nhân thân của bị cáo Q vào ngày 19/5/2015 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Võ Nhật Q 12 tháng tù là không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Nhật Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L2 và kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-P2 ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai thì thấy: Sau khi các bị cáo tham gia đi đánh anh Phạm Công T quay trở về nhà của L2. Khi nghe Phạm Thái L nói anh T chưa chết có thể kéo đồng bọn tới trả thù thì L2 gọi Ch (là con nuôi) đang ngủ dậy và bảo Ch đi đến nhà ông Phạm Đình Th (Cha của L) lấy bị bị thủy tinh để về dùng ná bắn lại nếu phía anh T tấn công và khi biết anh T chết không tố giác đồng bọn. Bản án sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo L2 như: Thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, chồng của bị cáo là Phạm Thái L cũng bị xử lý trong vụ án này và xử phạt Trần Thị Kim L2 với mức án 12 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Kim L2 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì thấy: Ngoài hành vi phạm tội tại bản án này thì tại bản án số 34/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Tòa án huyện I, tỉnh Gia Lai, bị cáo Siu Th1 bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện I có Quyết định kháng nghị đối với bị cáo Siu Th1. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai rút kháng nghị đối với bị cáo Siu Th1 nên tại bản án số 34/2017/HSPT ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai nhận định về việc rút kháng nghị này và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Siu Th1 nên tại bản án này Tòa án cấp sơ thẩm tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Siu Th1 theo bản án số 34/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện I là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút phần kháng nghị này nên căn cứ

khoản 1, khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm. Xét phần kháng nghị còn lại thì thấy: Vào tối ngày 08/9/2016 các bị cáo sau khi được Phạm Thái L nhờ đi đánh anh Phạm Công T nhưng không đánh được. Tối ngày 09/9/2016, các bị cáo tiếp tục được L nhờ đi đánh anh T. Khi phát hiện anh T các bị cáo đã xông vào chặt chém anh T, anh T điều khiển xe mô tô bỏ chạy thì bị Siu Th1 dùng dao ném theo trúng vào góc hàm bên phải của anh T và anh T điều khiển xe chạy đến một đoạn rồi gục ngã. Lúc đó các bị cáo cũng không biết rõ anh T đã chết. Do đó, hành vi của các bị cáo không thuộc trường hợp “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” nên không chấp nhận phần kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc áp dụng tình tiết tăng nặng điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo L, Th1, T3, T1, A, N1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại thì thấy: Mặc dù các bị cáo đã 2 lần đi tìm đánh anh Phạm Công T. Nhưng xét, khi uống rượu nghe Phạm Thái L nhờ đi đánh thì các bị cáo đồng ý đi chứ không có sự bàn bạc, cấu kết nhau từ trước nên hành vi của các bị cáo không thuộc trường hợp “Có tổ chức”. Đối với phần hình phạt của các bị cáo nói trên kể cả phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn A bị xử phạt 15 năm tù là tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Trần Thị Kim L2 không có tham gia uống rượu, không biết được việc L nhờ các bị cáo khác đi đánh anh T nên bị cáo L2 không đồng phạm với các bị cáo về tội “Giết người”.

Đối với phần trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Tr1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 100 tháng lương tối thiểu với số tiền 130.000.000 đồng, bồi thường tiền cấp dưỡng cho bà 1 lần với số tiền 126.000.000 đồng, hoặc bồi thường mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi xảy ra vụ án cho đến khi bà chết. Bản án sơ thẩm chấp nhận buộc các bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần bằng 70 tháng lương tối thiểu với số tiền 91.000.000 đồng. Đối với khoản tiền cấp dưỡng cho bà Tr1 thì bản án sơ thẩm nhận định : Trước khi Th mạng bị xâm hại anh Phạm Công T không phải là người đang thực hiện nghĩa vụ trợ cấp hàng tháng cho bà Tr1. Mặt khác, ngoài anh Phạm Công T thì bà Nguyễn Thị Tr1 còn có 8 người con khác đều trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, nên đủ khả năng nuôi dưỡng bà Tr1 nếu bà Tr1 không còn khả năng lao động, không có thu nhập nên không chấp nhận yêu cầu này của bà Tr1 là có cơ sở. Do đó không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ, Trần Thị Kim L2, Võ Nhật Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. - Đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần đề nghị hủy phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Siu Th1 do áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng của Quyết định kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Không chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-KNPT-P2 ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai; Không chấp nhận phần còn lại của kháng nghị số 37/2017/KN-HS-VC2 ngày 20/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ, Trần Thị Kim L2, Võ Nhật Q và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ phạm tội: “Giết người”; các bị cáo Trần Thị Kim L2, Võ Nhật Q phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn A, Trần Mai Đ, Võ Văn T3.

Xử phạt: Phạm Thái L 20 (Hai mươi) năm tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 90/2017/HSST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Phạm Thái L phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2016.

- Siu Th1 20 (hai mươi) năm tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 34/2016/HSST ngày 14/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo Siu Th1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 (hai mươi) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/02/2017.

- Nguyễn Song T1 18 (mười tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

- Võ Văn T3 15 (mười lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

- Lê Nguyễn Thành N1 15 (mười lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

- Bùi Văn A 15 (mười lăm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2017.

- Trần Mai Đ 13 (mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 314; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Kim L2:

Xử phạt: Võ Nhật Q 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017.

- Trần Thị Kim L2 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 51 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc các bị cáo Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Bùi Văn A, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tr1 số tiền 147.000.000 đồng:

- Bị cáo Phạm Thái L phải bồi thường 31.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 11.000.000 đ.

- Bị cáo Siu Th1 phải bồi thường 25.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 15.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Song T1 phải bồi thường 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Bùi Văn A phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Võ Văn T3 phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Lê Nguyễn Thành N1 phải bồi thường 17.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 7.000.000 đồng.

- Bị cáo Trần Mai Đ phải bồi thường 20.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã bồi thường. Bị cáo đã bồi thường xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiếp tục thu giữ số tiền các bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai sau khi xét xử sơ thẩm để đảm bảo thi hành án bao gồm: Phạm Thái L 13.900.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 3184, 3185 cùng ngày 05/10/2017 và số 19269 ngày 19/01/2018. Siu Th1 15.950.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 3192 và số 3193 cùng ngày 10/10/2017, Lê Nguyễn Thành N1 7.550.000 đồng tại biên lai thu tiền số 3188 ngày 05/10/2017, Võ Văn T3 7.550.000 đồng tại biên lai thu tiền số 3186 ngày 05/10/2017, Bùi Văn A 7.550.000 đồng tại biên lai thu tiền số 3194 ngày 15/10/2017, Nguyễn Song T1 21.200.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 3452 ngày 02/02/2018, số 3336 ngày 05/02/2018, số 414 ngày 16/4/2018, Trần Mai Đ 200.000đ tại biên thu tiền số 3187 ngày 05/10/2017.

2. Về án phí: Phạm Thái L, Siu Th1, Nguyễn Song T1, Võ Văn T3, Lê Nguyễn Thành N1, Trần Mai Đ, Trần Thị Kim L2, Võ Nhật Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai tổng đạt cho bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm